

Tăng cường năng lực giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Điện lực

Trần Thị Thu Hương*

*Trường Đại học Điện lực

Received: 22/2/2024; Accepted: 2/3/2024; Published: 3/4/2024

Abstract: The ultimate goal of learning English is to be able to communicate fluently. However, in reality in Vietnam, more focus is put on grammar than other skills, therefore students lack confidence when communicating. This article introduces a number of measures to stimulate passion and motivation to learn, thereby developing communication skills in English and increasing confidence through action research for students of Electric Power University.

Keywords: motivation, communication skills, students of Electric Power University.

1. Đặt vấn đề

Trong việc học tiếng Anh, kỹ năng nói là những kỹ năng ngôn ngữ khó thành thạo nhất nhưng lại là nền tảng để người học có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp. Nói là “một quá trình tương tác nhằm xây dựng ý nghĩa bao gồm việc tạo ra, tiếp nhận và xử lý thông tin”. (Brown, 1994). Nói thường mang tính tự phát, cởi mở và phát triển. Kỹ năng nói cũng đóng vai trò then chốt trong việc dạy và học ngoại ngữ. Từ lâu, việc dạy tiếng Anh ở Việt nam quá chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng đọc, viết mà bỏ qua việc rèn luyện kỹ năng nghe, nói, dẫn đến năng lực giao tiếp kém. Mong muốn học kỹ năng nói tiếng Anh độc lập của SV trường ĐHDL chưa mạnh mẽ và hiệu quả tự học chưa cao. Biện pháp cấp thiết là, nâng cao chất lượng dạy và dạy cho SV các chiến lược học tập tự chủ hiệu quả, nhằm khuyến khích nâng cao động lực học nghe và nói tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại ĐHDL với 40 SV lớp D17 Logistics đang theo học năm thứ nhất học kì 1

Đề tài được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu hành động (action research). Theo đó, tác giả tiến hành kiểm tra kỹ năng nói của SV trước khi áp dụng hoạt động mới cho lớp. Bài kiểm tra được đánh giá trên 5 tiêu chí (độ trôi chảy, độ tự tin, phát âm, ngữ pháp và nội dung). Sau đó tác giả áp dụng hoạt động đóng vai theo nhóm (mỗi nhóm 5 SV). Mỗi nhóm sẽ được cung cấp một chủ đề, SV sẽ phân vai theo chủ đề của nhóm và lên kịch bản nói. 08 chủ đề sau sẽ được SV thực hành (du lịch, môi trường, âm thực, y tế, giáo dục, truyền thông, luật pháp, giao thông). Ví dụ, nếu bốc được chủ đề về du lịch, thành

viên trong nhóm sẽ phân vai (khách du lịch, hướng dẫn viên, nhân viên nhà hàng, khách sạn và dân địa phương). Nhóm sẽ viết kịch bản cho hội thoại và thực hành trước khi trình bày trên lớp. Khi trình diễn trước lớp, GV hoặc các SV khác trong lớp có thể đặt câu hỏi và các thành viên trong nhóm sẽ phải phản ứng nhanh để trả lời. Để đánh giá chính xác quá trình áp dụng thủ thuật đóng vai, ngoài bài kiểm tra trước khi áp dụng hoạt động này, tác giả quan sát lớp để ghi nhận những thay đổi trong quá trình áp dụng, thiết kế bảng câu hỏi dành cho SV, đồng thời có bài kiểm tra sau ba tháng áp dụng hoạt động trên.

2.1. Thực trạng nói tiếng Anh của sinh viên

Đánh giá mức độ khó của kỹ năng nói so với ba kỹ năng còn lại khi học tiếng Anh của SV

Theo khảo sát có tới 40% số SV cho rằng kỹ năng nói là khó nhất đối với mình, trong khi SV lại thấy dễ nhất là kỹ năng đọc (12%). Bên cạnh đó 30% số SV trả lời, kỹ năng nghe cũng gây rất nhiều khó khăn cho SV và 18% các phản hồi kỹ năng viết là khó. Nguyên nhân khiến SV đánh giá kỹ năng nói là khó nhất trong 4 kỹ năng được khảo sát bao gồm:

+ Vốn từ vựng ít dẫn đến việc SV không thể diễn đạt được suy nghĩ của mình.

+ Vận dụng ngữ pháp chưa tốt do chưa phân biệt được rõ sự khác nhau giữa các thì gần nhau (ví dụ: thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn hay tương lai gần của mẫu To be going to, Will và To be + V-ing).

+ Luyện tập chưa thường xuyên, tích cực. Ngoài ra, kỹ năng nói không có đáp án rõ ràng, chính xác như kỹ năng nghe và đọc nên sinh viên khó tự đánh giá bản thân. Do vậy, để đạt được sự tiến bộ, SV phải đầu tư thời gian luyện tập bền bỉ và tích cực.

- *Kết quả kiểm tra trước khi áp dụng thủ thuật đóng vai trong dạy nói*

Kết quả bài kiểm tra đánh giá kỹ năng nói của SV cho thấy còn kỹ năng nói của SV còn chưa đạt yêu cầu nhất là khi các em phải chuẩn bị cho kì thi chuẩn đầu ra B1 Tác giả mong muốn các SV trang bị tốt kỹ năng nói tiếng Anh, giúp SV tự tin trong giao tiếp hàng ngày và tìm được công việc tốt tại các tập đoàn đa quốc gia khi ra trường.

2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói của sinh viên

Qua khảo sát, mỗi lớp học có tới 40 sinh viên, gây khó khăn trong tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng nói. Ngoài ra, trình độ của SV không đồng đều. Với những SV yếu, GV phải dành nhiều thời gian để củng cố ngữ pháp và từ vựng, nên thời gian dành cho việc luyện nói là chưa đủ. Về phía GV, giảng viên thường dùng tiếng Việt để giảng ngữ pháp cho SV hoặc giao tiếp bên ngoài lớp học với SV bằng tiếng Việt, gây ra ảnh hưởng nhất định đến thói quen sử dụng tiếng Anh của SV. Cuối cùng, sự phân bổ thời gian trong mỗi tiết dạy chưa đồng đều. Thời lượng GV dành cho việc dạy ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu chiếm tỷ trọng khá lớn nên kỹ năng nói và viết chưa được chú trọng. Cụ thể là: ngữ pháp gần 27%; đọc: 25%; nghe: 22%; nói: 12%; viết: 14%.

2.3. Đề xuất một số hoạt động cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên

Kỹ năng nói là một trong 4 kỹ năng quan trọng khi học một ngôn ngữ mà người học không thể bỏ qua hoặc xem nhẹ. Do đó, GV tiếng Anh cần quan tâm phát triển kỹ năng nói cho SV, đồng thời tạo động lực để sinh viên say mê, không ngại nói. Trong quá trình giảng dạy, GV không chỉ cung cấp cho SV những kinh nghiệm học hiệu quả mà còn cung cấp cho các em nhiều chủ đề đa dạng để luyện tập như quê hương, bạn bè, du lịch, môi trường, ẩm thực, y tế, giáo dục, truyền thông, luật pháp, giao thông... Một số hoạt động luyện nói có thể đem lại hiệu quả cao như hoạt động nhóm (group-work), hoạt động theo cặp (pair-work), trò chơi (game), thuyết trình (presentation) và đóng vai hội thoại (making conversations).

Tác giả đã lựa chọn hoạt động đóng vai để khảo sát mức độ tiến bộ đối với kỹ năng nói của sinh viên lớp D17 Logistics tại ĐHDL. Sau khi làm bài kiểm tra nói và trước khi áp dụng hoạt động này, tác giả tiến hành chia nhóm và phân chủ đề để luyện tập. Mỗi nhóm 5 SV sẽ cùng nhau viết kịch bản cho chủ đề họ được phân công và thống nhất phân vai. Trong

vòng một tuần, SV viết xong kịch bản và phân vai gửi cho GV duyệt. Sau khi được duyệt, SV tiến hành luyện tập 01 tuần, quay video gửi cho GV (video có thời lượng từ 5 đến 7 phút). Các nhóm sinh viên sẽ nhận được ba chủ đề khác nhau trong các tuần kế tiếp để luyện tập. Do quỹ thời gian hạn chế nên sau mỗi tuần nhận video của SV, GV thường chọn ra hai clip (01 clip tốt và 01 clip chưa tốt) để chiếu trước lớp và nhận xét để SV phát huy hoặc rút kinh nghiệm. Giáo viên phân bổ lịch luyện tập của SV như sau:

Tuần 1: Giảng viên nhận lớp

Tuần 2: Sinh viên làm bài kiểm tra trước khi áp dụng hoạt động

Tuần 3: Phân nhóm, phân chủ đề số 01

Tuần 4: SV viết kịch bản chủ đề 01, phân vai và gửi lại cho giảng viên duyệt

Tuần 5: SV luyện tập chủ đề 01 và gửi lại clips cho giảng viên

Tuần 6: SV được phân chủ đề số 02

Tuần 7: SV viết kịch bản chủ đề 02, phân vai và gửi lại cho giảng viên duyệt

Tuần 8: SV luyện tập chủ đề 02 và gửi lại clips cho giảng viên

Tuần 9: SV được phân chủ đề số 03

Tuần 10: Sinh viên viết kịch bản chủ đề 03, phân vai và gửi lại cho giảng viên duyệt

Tuần 11: Sinh viên luyện tập chủ đề 03 và gửi lại clips cho giảng viên

Tuần 12: Làm bài kiểm tra sau khi áp dụng hoạt động

Tuần 13: Nhận xét của GV

** Nhận xét sau khi áp dụng hoạt động đóng vai*

SV mạnh dạn hơn khi trình bày bài nói của mình, phát âm to và rõ. Đặc biệt, SV tích lũy được vốn từ vựng phong phú hơn, khả năng nghe tốt hơn. Trên hết, SV đã tự tin, mạnh dạn hơn giao tiếp; số SV thể hiện bài nói của mình ở mức khá tốt và tốt chiếm 2/3 tổng số SV trong lớp. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ nhỏ thể hiện kỹ năng nói ở mức yếu (1,2%) do những SV này chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa và không có nền tảng tiếng Anh cơ bản từ bậc học phổ thông. Tác giả đã tiến hành phỏng vấn người học sau khi áp dụng hoạt động nói với câu hỏi “Em cảm thấy thế nào sau khi tham gia hoạt động nói cùng các bạn?”. SV 1 cho rằng hoạt động đóng vai giúp quá trình học không bị khô khan và SV có thể tham gia thể hiện mình được nhiều hơn. SV 3 rất thích các hoạt động này vì đây là cách vừa học, vừa giải trí và không bị áp lực. SV Hoàng Giao Bảo thì nói rằng, các hoạt

động cùng với các chủ đề gần gũi với cuộc sống làm cho buổi học rất vui nhộn và hấp dẫn, khiến SV thích nói tiếng Anh hơn. Hầu hết các em đều cho rằng, khi thực hành với chủ đề đầu tiên SV còn khá rụt rè, bỡ ngỡ và ngại nói, ngại tham gia. Nhưng đến chủ đề thứ ba được phân công, SV đã hào hứng và chủ động tham gia để có được kết quả tốt nhất.

3. Kết luận

Thực tế giảng dạy cho thấy việc nâng cao chất lượng dạy tiếng Anh nói chung và dạy kỹ năng nói tiếng Anh nói riêng cho SV phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp giảng dạy. Tác giả đã dành sự quan tâm bằng cả trách nhiệm chuyên môn, thời gian và sự yêu thích tiếng Anh để triển khai các hoạt động nhằm giúp SV có được cách học nói hiệu quả. Bằng các hoạt động này, SV không chỉ nâng cao kỹ năng nói mà còn bồi đắp được động lực học tập, cũng như xác định rõ hơn lợi ích của việc học tiếng Anh. Qua các hoạt động thực hành nói, SV nhận ra rằng không ai

học ngoại ngữ mà không mắc lỗi. Do đó, SV cần tự tin và kiên nhẫn giao tiếp thật nhiều trong cuộc sống thực tế để có thể nâng cao kỹ năng và năng lực ngoại ngữ cho bản thân./

Tài liệu tham khảo

- (1) Bygate M. (1987), *Speaking*. Oxford University Press
- (2) Byrne, D (1986), *Teaching Oral English*. London. Longman Group UK Limited
- (3) Garrett Smith (2018) *Teaching Speaking in Non-Academic Contexts*. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/9781118784235.eelt0257>
- (4) Sonca Vo (2020) *Evaluating interactional competence in interview and paired discussion tasks: A rater cognition study* <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/tesj.563>
- (5). Nivja H. de Jong (2020) *Teaching Speaking* <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/9781405198431.wbeal1437.pub2>.

Ứng dụng phương pháp điều tra xã hội học...(tiếp theo trang 192)

Bước 5: Soạn thảo bảng hỏi

Bước 6: Chọn mẫu điều tra

Bước 7: Tổ chức điều tra thực tế

Bước 8: Thu thập kết quả điều tra

2.4 Phân tích và xử lý kết quả điều tra phải đảm bảo tính trung thực, chính xác. Trong NCKH nói chung, nghiên cứu khoa học của Khoa tiếng Anh nói riêng, tính trung thực, chính xác được coi là yêu cầu có tính nguyên tắc, xuyên suốt trong các khâu, các bước của quá trình nghiên cứu; từ bước đầu tiên là lên ý tưởng cho đến công bố kết quả cuối cùng của vấn đề nghiên cứu. Trong quá trình này, tính trung thực, chính xác khi phân tích, xử lý kết quả điều tra được coi là vấn đề trung tâm, chi phối, ảnh hưởng rất lớn chất lượng, tính ứng dụng của công trình nghiên cứu. Để đáp ứng tốt với yêu cầu này, các chủ thể cần làm tốt một số vấn đề cơ bản sau:

Trước hết, sau khi kết thúc việc điều tra, các chủ thể cần thu thập trọn vẹn tất cả các dữ liệu có liên quan, đó là số lượng các câu trả lời phỏng vấn ở từng đối tượng cụ thể; các phiếu điều tra ở đã phát hành đến các đối tượng... Trên cơ sở đó, tổng hợp khách quan, chính xác từng câu trả lời; tuyệt đối không được có biểu hiện tổng hợp thiếu chính xác, tự điều chỉnh kết quả theo hướng như thêm/bớt/ tổng hợp sai các câu trả lời điều tra; hoặc có tư tưởng “điều tra cho

chiều lệ”, kết quả điều tra phục vụ cho nghiên cứu đề tài chủ yếu mang tính chủ quan cá nhân... Bên cạnh đó, khi xử lý các số liệu điều tra đòi hỏi cần sử dụng các phương pháp toán học thống kê như: Tính trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, tương quan... Theo đó, khi thực hiện vấn đề này, các công thức đưa ra phải đảm bảo chính xác tuyệt đối; các dữ liệu nhập phải ăn khớp, hài hòa.

3. Kết luận

Phương pháp điều tra xã hội học được ứng dụng nhiều trong các NCKH ở trường Đại học Hà Nội. Đặc biệt, trong NCKH của Khoa tiếng Anh, việc ứng dụng phương pháp điều tra xã hội học vừa góp phần làm rõ thực trạng ngôn ngữ Anh của Khoa tiếng Anh, vừa cung cấp luận cứ, bằng chứng khoa học cụ thể, xác thực giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường hoạch định chủ trương, xây dựng kế hoạch, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong tình hình mới./

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc (1086), *Một số vấn đề về giáo dục và của Khoa tiếng Anh*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Trần Kiểm (1997), *Quản lý giáo dục và trường học*, Viện Của Khoa tiếng Anh, Hà Nội.
3. Phạm Văn Quyết (2001), Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội